

Số: 234/BC-HB

Quận 5, ngày 5 tháng 7 năm 2024

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học: 2023-2024**

A. THÔNG TIN CHUNG

- **Tên trường:** Trường Trung học Cơ sở Hồng Bàng Quận 5.
- **Địa điểm trụ sở chính :** số 132 đường Hồng Bàng, phường 12 quận 5.
- **Điện thoại :** 08 38549050
- **Địa chỉ trang tin điện tử :** thcsongbang.vn
- **Quá trình thành lập và phát triển :**

Trường THCS Hồng Bàng nguyên là ngôi trường được xây dựng từ năm 1933 để làm Trường nội trú nuôi dạy trẻ em người Pháp. Năm 1967, trường được bàn giao cho chính quyền Sài Gòn và trở thành Trung tâm Giáo dục Hồng Bàng. Sau ngày 30/4/1975, Trung tâm Giáo dục Hồng Bàng được Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố tiếp quản, tổ chức thành Trường Phổ thông cấp I, II, III Hồng Bàng. Năm học 1978 – 1979, học sinh cấp I của trường được chuyển về Trường Tiểu học Minh Đạo, học sinh cấp III chuyển về Trường Trung học phổ thông Hùng Vương. Trường Phổ thông cơ sở Hồng Bàng chính thức được thành lập là trường giảng dạy theo chương trình bậc học phổ thông cơ sở dành cho học sinh cấp II. Năm học 1994 – 1995, Trường PTCS Hồng Bàng được Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố và Ủy ban nhân dân quận 5 chấp thuận chuyển thành Trường chuyên Hồng Bàng, với nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy học sinh PTCS đồng thời làm nhiệm vụ bồi dưỡng học sinh giỏi các bộ môn Toán - Lý - Hóa - Văn - Ngoại Ngữ. Năm học 1997 – 1998, Trường chuyên Hồng Bàng được chuyển thành Trường THCS chất lượng cao Hồng Bàng và đến năm học 2005 – 2006, thực hiện chủ trương xóa trường chuyên lớp chọn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường THCS chất lượng cao Hồng Bàng được chuyển thành Trường THCS công lập Hồng Bàng.

Những đặc điểm chính của trường : Trường có 170 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng của trường có 2 người. Chi bộ trường Hồng Bàng có 32 đảng viên là Chi bộ cơ sở thuộc đảng bộ Phường 12, quận 5. Công đoàn cơ sở có 170 công đoàn viên. Chi đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh có 25 đoàn viên. Liên đội Thiếu niên tiên phong với 2907 đội viên. Toàn trường có tổng số lớp là 75 với 2907 học sinh.

2. Chức năng, nhiệm vụ được giao :

Trường Hồng Bàng là trường trung học cơ sở, tổ chức giảng dạy song song đối với khối 9 dạy theo phân phối Chương trình Trung học cơ sở, theo quy định và chuẩn kiến thức kỹ năng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với khối các khối lớp 6,7,8 dạy theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Đội ngũ giáo viên đủ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác giáo dục tinh thần trách nhiệm cho học sinh trong giờ dạy, tích cực đổi mới phương pháp dạy học. Phối hợp với các lực lượng giáo dục tăng cường giáo dục đạo đức, nề nếp kỷ luật trật tự và tạo điều kiện cho học sinh “Nói điều hay làm việc tốt”. Xây dựng đội ngũ giáo viên có kỷ cương, có tinh thần trách nhiệm, là tấm gương sáng về đạo đức và tự học cho HS noi theo. Cơ sở vật chất trường - lớp đáp ứng đầy đủ nhu cầu công tác tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

B. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN¹

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

T T	Trườn g	Tổng số CBQ L, GV, NV (Biên ché)	Số lượng CBQL, GV, NV là viên chức			Trình độ chuyên môn của CBQL và giáo viên		
			CBQ L	G V	N V	Tổng số	Đạt chuẩn	Chur a đạt

						CBQ L, GV	chuẩn				
							Cán bộ quản lý		Giáo viên		
							Sa u đại học	Đạ i học	Sa u đại học	Đạ i học	Cao đẳng
1	Trường THCS Hong Bàng	152	2	14 5	5	146	1	1	21	11 8	5

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

Tổng số giáo viên CBQ L	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
146	1	0.7	1	0.7	14	9,7	130	88.9

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: $146/146=100\%$

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT²

Tổng diện tích đất của trường là 12.601 m², đạt 4.37 m²/học sinh chưa đạt yêu cầu tối thiểu 6m² học sinh theo quy định.

Sân trường được lát gạch, khang trang, sạch, đẹp. Tỷ lệ cây xanh toàn trường trên 70% với nhiều loại cây có bóng mát, thảm cỏ, hoa tươi...tạo thoáng mát cho nhà trường, thuận tiện cho HS vui chơi, học tập.

Trường có khuôn viên riêng biệt, tường và hàng rào cao 2m bao quanh. Trường có một cổng chính, 03 cổng phụ. Biển tên trường to, rõ đẹp, đúng quy định, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ.

Nhà trường có sân chơi với diện tích 10.302 m², chiếm 80% diện tích mặt bằng của trường. Khu sân chơi có cây xanh, bóng mát, đảm bảo vệ sinh và thẩm mỹ. Khu bãi tập thể dục, thể thao của trường khá rộng, trường có đủ thiết bị phục vụ học tập thể dục, thể thao cho học sinh theo quy định như nệm, lưới bóng chuyền, trụ bóng rổ, ... đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng hầu hết các yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh toàn trường.

Tổng hợp cơ sở vật chất tóm tắt tại phụ lục 1.

Số thiết bị dạy học hiện có theo phụ lục 3

Danh mục sách giáo khoa: theo Phụ lục 4

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC³

Trường đã hai lần kiểm định chất lượng giáo dục (đã công khai trên cổng thông tin điện tử): đạt mức kiểm định chất lượng mức độ 1.

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: đạt mức kiểm định chất lượng mức độ 1

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hàng năm: đạt mức kiểm định chất lượng mức độ 1

Trong 10 năm từ 2025

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁴

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh: Phụ lục 5

³ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 3 Điều 6, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

⁴ Bao gồm các thông tin của năm báo cáo được quy định tại khoản 2, 3 Điều 7, khoản 2, 3 Điều 9, khoản 2, 3 Điều 11 của Thông tư này, đối sánh số liệu với năm trước liền kề.

- b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục;
- c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh: Phụ lục 6
- d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục;
- đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh: Công khai trước 1 tuần

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước: Phụ lục 2

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Tuyển sinh đầu cấp:

Khối lớp: 6	Học sinh		Số lớp	Dân tộc ít người	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)		Hoa	Dân tộc khác
Chỉ tiêu được giao:	770	100	18	183	2
Thực tế đã tuyển:	778	101	18	185	2
Thừa (+), thiếu (-) so với chỉ tiêu	+08		0	2	

- Trong đó có 00 học sinh được tuyển đầu cấp không có tên trong danh sách duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận 5.

- Sĩ số trung bình: **43** học sinh/lớp

- Lớp có sĩ số thấp nhất: có số học sinh : 27

- Lớp có sĩ số cao nhất: có số học sinh : 48

Chuyển trường:

Chuyển đến			Chuyển đi		
Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
	Trong quận	Ngoài quận, tỉnh khác		Trong quận	Ngoài quận, tỉnh khác

20	8	12	24	4	20
----	---	----	----	---	----

Số lượng và tỉ lệ học sinh phân theo:

Phân loại	LỚP 6		LỚP 7		LỚP 8		LỚP 9	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
- Học hai buổi	575	73,62	637	68,72	516	72,47	299	53,78
- Bán trú	575	73,62	637	68,72	516	72,47	299	53,78
- Hoà nhập	0		6		3		4	
- Lưu ban	4		8		4		0	
-Bảo lưu	2		3		3		2	
- Bỏ học	0		0		2		1	

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

Phụ lục 2

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông:

Phụ lục 6

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác):

Các khoản thu	Số tiền
---------------	---------

Ngân sách nhà nước	45.667.063.250
Thu sự nghiệp	23.228.715.700
TỔNG CỘNG	68.895.778.950

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Các khoản chi	Số tiền
Chi tiền lương và thu nhập	38.950.873.975
Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	9.285.143.284
Chi khác	7.679.019.810
TỔNG CỘNG	55.915.037.069

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Các chính sách về miễn giảm học phí	Số tiền
Miễn học phí	8.100.000
Giảm học phí	540.000
TỔNG CỘNG	8.640.000

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù .

Số dư các quỹ	Số tiền
Quỹ CCTL	1.338.997.683
Quỹ khen thưởng	309.497.523
Quỹ phúc lợi	1.453.094.948
Quỹ bổ sung thu nhập	717.939.092
Quỹ phát triển	840.289.409
TỔNG CỘNG	4.641.818.655

4. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp

luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện đề án dạy tin học theo chuẩn quốc tế:

- Số học sinh tham gia: 1937
- Số học sinh thi chứng chỉ: 254

2. Thực hiện đề án dạy ngoại ngữ:

- Số lớp tích hợp: 14
- Số học sinh: 503
- Số lớp tăng cường tiếng Anh: 15
- Số học sinh : 658

3. Thực hiện đề án chuyển đổi số: đơn vị được công nhận đạt mức 3

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Đã ký)

Trần Văn Luyện